TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-PT
Ngày: 01/3/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

2. Ông Nguyễn Hữu Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Phùng Đức Khương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 33/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Tiến V do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: ***Nguyễn Tiến V, sinh năm 1982***; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2018, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; trú tại: Khu phố 4, C, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964; chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2013, V có vay 175.000.000đ của Nguyễn Thị Thanh H (thường gọi là Hằng Lim), sinh năm 1975, HKTT: Thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 12/2013, H đòi nợ V cả gốc và lãi là 300.000.000 đồng nhưng V không có tiền để trả.

Đến ngày 26/12/2013, V đang ở nhà ở thôn Đ, xã H, huyện T thì có một số thanh niên đến gặp V và bảo V đến nhà H để thanh toán số tiền V nợ H, V đồng ý. Khi đến nhà H, H bảo V đọc số điện thoại của ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1956 (là bố đẻ của V) để H gọi cho ông Q rồi đưa điện thoại cho V, bảo V bảo ông Q đi vay tiền trả nợ cho H. Ông Q nói không vay được, rồi tắt máy. Sau đó, V xin H cho V trả nợ dần nhưng H không đồng ý. H nói: "Bây giờ mày đi thuê xe ô tô, mang về cắm cho tao để gán nợ số tiền này", V nói: "Làm thế liên quan đến pháp luật, chị cho em xin trả dần" nhưng H không đồng ý. H nói: "Mày thuê xe ô tô cắm cho tao thì gia đình mày mới có trách nhiệm trả tao tiền để chuộc xe về". Do không có cách nào trả tiền cho H nên V đồng ý.

Sau đó, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, BKS: 99H7 - 4685 của V chở Lê Văn Đ, sinh năm 1978, HKTT: Thôn Móng, xã H, huyện T (là người làm cho H) đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái Hùng Yến, địa chỉ tại số 372, khu phố Minh Khai, phường Đông Ngàn, thị xã T của gia đình ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965, HKTT: khu phố 4, C, phường Đ, thị xã T với mục đích thuê xe ô tô tự lái đem về cầm cố cho H. Khi đi, ngoài V và Đ còn có 02 nam thanh niên làm cho H điều khiển xe mô tô khác đi phía sau (V không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Khi đến cửa hàng, Đ và hai người thanh niên đứng bên ngoài, V đi vào bên trong gặp anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1992 (con trai ông H), V nói: "Cho anh thuê cái xe để đi du lịch". Anh M yêu cầu V để lại tài sản để làm tin, nhưng do V không mang theo giấy tờ xe mô tô nên anh M không đồng ý cho V thuê xe ô tô. Sau đó, tại cửa hàng Hùng Yến, V gọi điện cho H nói: "Xe máy của em không có giấy tờ nên không thuê được", H nói: "Quay về đây, tao đưa xe cho" thì V và Đ quay lại nhà H. Tại nhà H, H giao cho V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 99Z1 - 2882, số khung: 18058Y696154, số máy: JF18E5300495 cùng giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn Lũng Sơn, Thị trấn L, huyện T. H nói: "Đây là xe của anh trai tao, mày xem liệu mà lấy xe cho nhanh". Sau khi

nhận xe của H, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen BKS: 99Z1 - 2882 chở Đ và 01 người phụ nữ khoảng ngoài 20 tuổi (V không quen biết người này) đến cửa hàng H Yến gặp anh M. Trước khi đi, H có đưa cho cho Đ 01 sổ hộ khẩu và 01 Chứng minh nhân dân của V (nguồn gốc trước đó do V để lại nhà H để thế chấp vay tiền).

Khi đến cửa hàng Hùng Yến, Đ đưa cho V sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của V để làm thủ tục, hợp đồng thuê xe. Khi V vào cửa hàng thì Đ và người phụ nữ đi cùng V đứng ở bên ngoài cửa hàng. Thấy xe mô tô V đi đến có đầy đủ đăng ký xe, nên anh M đồng ý cho thuê xe ô tô. Trước khi thuê xe, anh M yêu cầu V xuất trình bằng lái xe ô tô để ghi vào hợp đồng. V và anh M lập 01 hợp đồng thuê xe có nội dung: Bên A gồm ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Đức M, có cho bên B là anh Nguyễn Tiến V thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova màu ghi bạc, BKS: 30M – 7518, số khung: 889450450, Số máy: 6606142, trong thời gian 10 ngày (từ 26/12/2013 đến ngày 06/01/2014), giá thuê 900.000 đồng/ngày. Hai bên cùng ký tên vào hợp đồng. Sau đó V để lại tại cửa hàng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 99Z1 - 2882 cùng 01 sổ hộ khẩu và 01 Chứng minh nhân dân mang tên V.

Sau khi làm thủ tục hợp đồng xong, V nhận xe ô tô cùng sổ đăng kiểm, giấy đăng ký xe do anh M giao, rồi điều khiển xe ô tô chở Đ và người phụ nữ đi cùng về nhà H. Tại đây, V viết 01 giấy cầm cố xe ô tô vừa thuê được cho H lấy 300.000.000 đồng. Số tiền này, V trả vào số tiền V nợ H, coi như gán nợ. Tờ giấy này H giữ. Sau đó, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave của V về nhà. Do không có khả năng chuộc lại xe ô tô để trả lại cho cửa hàng Hùng Yến nên V đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, sang Trung Quốc từ 14/02/2014 đến năm 2017 mới trở về nhà.

Hết thời hạn thuê xe, do không thấy V trả xe và tiền thuê xe nên ông H có đến nhà V để đòi nhưng không gặp được V. Ngày 04/12/2014, ông H làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh về việc Nguyễn Tiến V đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của ông H là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Innova màu ghi bạc, BKS: 30M – 7581. Ngày 22/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra quyết định trưng cầu số 100, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản thị xã T định giá tương đương chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Innova màu ghi bạc, BKS: 30M – 7518, số khung: 889250480, số máy: 6606142 tại thời điểm xảy ra vụ án. Cùng ngày, Hội đồng định giá tài sản thị xã T đã có bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 47/KL-HĐĐG xác định: "01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Innova có đặc điểm tương tự xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Innova màu ghi bạc, biển số 30M - 7518, số khung 889250480, số máy 0006142, năm sản xuất 2008 xe đã qua sử dụng có giá trị tại

thời điểm xảy ra vụ án là 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng)". Ngày 22/6/2015, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh có Kết luận giám định số 61/KLGĐ-PC54: "Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tiến V tại mục "Đại diện bên B" trên "Hợp đồng thuê xe" ghi ngày 26/12/2013 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tiến V trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra".

Đối với đối tượng Nguyễn Thị Thanh H là người đưa xe mô tô và yêu cầu V thuê xe ô tô về cầm cố cho H để gán nợ hiện không có mặt tại địa phương và Lê Văn Đ người đi cùng với V hiện chưa làm rõ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu ghi bạc, BKS: 30M – 7518, Công an thị xã T đã truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được. Gia đình bị cáo V đã nộp bồi thường cho người bị hại được 220 triệu đồng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 9971.2882, số khung: 18058Y696154, số máy: JF18E5300495, V thế chấp tại cửa hàng nhà ông H để thuê xe ô tô ngày 26/12/2013. Ngày 20/6/2018, ông H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T chiếc xe trên. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe đăng ký tên ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964, HKTT: thôn Lũng Giang, Thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (anh trai của H). Ông T đã cho H mượn chiếc xe trên vào tháng 11/2013, khi ông T đòi xe thì H nói đã cho bạn mượn lại xe đi cầm cố. Đến nay, ông T đề nghị xin lại chiếc xe trên.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến V 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/6/2018. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo V phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 439.000.000đ. Xác nhận gia đình bị cáo V đã nộp bồi thường là 220.000.000đ tại Chi cục THSDS thị xã T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/01/2019, ông Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt vì bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn, về phần bồi thường ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông tiền trị giá chiếc xe là 430 triệu và tiền thiệt

hại không kinh doanh được từ khi xe bị mất đến nay là 170 triệu, tổng cộng là 600 triệu. Gia đình bị cáo có sang bồi thường cho ông 220 triệu nhưng ông không nhận vì không đủ số tiền ông yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Do H bắt ép bị cáo và cho người đánh bị cáo nên bị cáo buộc phải thuê xe của ông H để gán nợ cho H. Hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn, bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình sẽ sớm cải tạo tốt để trở về làm ăn bồi thường nốt cho bị hại. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Ông Q (bố bị cáo) trình bày, do V làm ăn thua lỗ nên Ngân hàng đã phát mại toàn bộ nhà đất của gia đình, hiện nay cả gia đình không còn chỗ ở kinh tế hết sức khó khăn. Sau khi V bị bắt, gia đình đã vay mượn được 220 triệu sang bồi thường một phần cho ông H nhưng ông H không nhận mà yêu cầu trả 700 triệu. Vì vậy gia đình ông đã nộp vào Chi cục THA thị xã T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Nguyên nhân V phạm tội cũng một phần do H ép buộc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, do vậy Bản án sơ thẩm phạt 60 tháng tù là phù hợp. Về yêu cầu tăng bồi thường, tại phiên tòa bị hại không có chứng cứ chứng minh khoản tiền thiệt hại vì vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo V và bị hại không tham gia tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên ngày 26/12/2013, Nguyễn Tiến V đã có hành vi gian dối để thuê được chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Innova màu ghi bạc, BKS 30M-7518 của ông Nguyễn Văn H trị giá 430.000.000đ. Sau đó, V đã mang chiếc xe này đi cầm cố đối trừ tiền nợ cho H. Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tiến V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo của người bị hại, HĐXX nhận thấy: Về hình phạt: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường cho người bị hại số tiền 220.000.000đ, do bị hại không nhận nên gia đình bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T; bản thân bị cáo được Công ty nơi bị cáo làm việc tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất và có bố đẻ là ông Nguyễn Tiến Q được Nhà nước tặng thưởng Huân chương hạng 3. Mặt khác, nguyên nhân bị cáo phạm tội cũng một phần bị ép buộc, xúi giục. Bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là hoàn toàn phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 600 triệu đồng, trong đó có 430 triệu đồng trị giá chiếc xe và 170 triệu đồng tiền thiệt hại nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường 430.000.000đ giá trị chiếc xe ô tô (theo định gía) và 9.000.000đ tiền thuê xe trong 10 ngày theo hợp đồng, tổng cộng là 439.000.000đ là phù hợp với pháp luật.

Từ phân tích trên, HĐXX phúc thẩm thấy cần bác toàn bộ kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/6/2018.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến V phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 439.000.000đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi

cục thi hành án T 220.000.000đ tại Biên lai số AA/2014/0003193 ngày 12/11/2018. Bị cáo V còn phải bồi thường tiếp là 219.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền và thời gian chậm trả, lãi suất chậm trả được xác định theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm (khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0002078 ngày 01/01/2019).

Bị cáo Nguyễn Tiến V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND; Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Thị Lượng